

THỰC HIỆN QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU QUẢN TRỊ QUỐC GIA HIỆN ĐẠI

LÊ THỊ THU*

Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân chính là điều kiện tiên quyết để kiến tạo một nền quản trị quốc gia minh bạch, giải trình và bao trùm. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đã có tiến bộ về thể chế và công khai thông tin, song vẫn còn hạn chế do độ trễ pháp lý, cơ chế công khai chủ động chưa rõ, dữ liệu số phân tán, chất lượng thông tin và năng lực thực thi chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, cải cách cơ chế thực hiện, hiện đại hóa phương thức tiếp cận và nâng cao năng lực công dân.

Từ khóa: Quyền tiếp cận thông tin; quản trị quốc gia hiện đại; minh bạch; giải trình; công dân. Ensuring citizens' right of access to information is a prerequisite for building a national governance system that is transparent, accountable, and inclusive. Practice shows that the implementation of the right of access to information has made progress in terms of institutions and information disclosure, but still faces limitations due to legal delays, unclear proactive disclosure mechanisms, fragmented digital data, uneven information quality, and unequal implementation capacity. On that basis, the article proposes several solutions to improve the legal framework, reform implementation mechanisms, modernize access methods, and enhance citizens' capacity.

Keywords: Right of access to information; modern national governance; transparency; accountability; citizens.

NGÀY NHẬN: 22/12/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/3/2026 NGÀY DUYỆT: 17/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1476>

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy chuyển đổi mô hình quản lý sang quản trị quốc gia hiện đại, việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân ngày càng giữ vai trò quan trọng, là điều kiện để bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân. Mặc dù Việt Nam đã hình thành khuôn khổ pháp luật tương đối đầy đủ

về quyền tiếp cận thông tin, song, vẫn tồn tại những khoảng cách nhất định giữa quy định pháp luật và yêu cầu của quản trị hiện đại. Trong bối cảnh đó, việc đánh giá mức độ thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần

* ThS, Học viện Hành chính và Quản trị công

định hướng hoàn thiện thể chế và đổi mới phương thức quản trị ở Việt Nam hiện nay.

2. Quyền tiếp cận thông tin của công dân

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân, gắn liền với việc bảo đảm dân chủ, minh bạch và trách nhiệm giải trình của Nhà nước. Ở Việt Nam, quyền này đã được ghi nhận tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật. Cụ thể: quyền tiếp cận thông tin của công dân được ghi nhận tại Điều 25 *Hiến pháp* năm 2013 “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình” và được cụ thể hóa trong Điều 2 *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2016: “Tiếp cận thông tin là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp lại thông tin”. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc khẳng định quan điểm: “bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp xã hội và mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển”. Điều này cho thấy, quyền tiếp cận thông tin không chỉ là một quyền pháp lý mà còn là điều kiện quan trọng để thực hiện công bằng xã hội.

Hiện nay, quyền tiếp cận thông tin được tiếp cận theo hai góc độ: *Theo nghĩa rộng*: quyền tiếp cận thông tin là quyền của người dân được tiếp cận và truyền bá các thông tin do nhà nước, cá nhân, cơ quan, tổ chức nắm giữ nhằm thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của mình cũng như để thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận¹. *Theo nghĩa hẹp*: quyền tiếp cận thông tin là quyền của người dân được tiếp cận các thông tin do nhà nước, cá nhân, cơ quan, tổ chức nhằm thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của mình cũng như để thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận². Từ cách tiếp cận trên có thể thấy, việc bảo đảm và

thực hiện quyền tiếp cận thông tin trên thực tế không chỉ phụ thuộc vào quy định pháp luật mà còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Có thể khái quát thành ba nhóm yếu tố chính:

(1) *Yếu tố pháp lý - thể chế*: giữ vai trò nền tảng, quyết định phạm vi, điều kiện và cơ chế thực hiện quyền.

(2) *Yếu tố năng lực của cơ quan nhà nước*: năng lực tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước có ý nghĩa then chốt trong việc chuyển hóa các quy định pháp luật thành thực tiễn. Nếu thiếu nguồn lực, kỹ năng hoặc cơ chế phối hợp hiệu quả, quyền tiếp cận thông tin khó được bảo đảm đầy đủ.

(3) *Yếu tố nhận thức, hành vi pháp lý của công dân*: nhận thức và hành vi pháp lý của công dân cũng là yếu tố quan trọng. Mức độ chủ động trong việc yêu cầu, khai thác và sử dụng thông tin sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi quyền này trên thực tế.

Ở Việt Nam, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin chưa thật sự đồng bộ, nhất là trong việc xác định trách nhiệm cung cấp thông tin, thời hạn trả lời và quy chuẩn hóa dữ liệu. Bên cạnh đó, năng lực tổ chức thực hiện của cơ quan nhà nước và mức độ chủ động của công dân trong yêu cầu, sử dụng thông tin là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi.

3. Thực trạng thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại

3.1. Mức độ minh bạch và công khai thông tin của cơ quan nhà nước

Minh bạch và công khai thông tin là tiêu chí nền tảng để đánh giá mức độ thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại. Quan điểm này được xác lập rõ trong khoản 1 Điều 14 *Hiến pháp* năm 2013: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn

trọng, bảo vệ, bảo đảm theo *Hiến pháp* và pháp luật”; đồng thời, tiếp tục được khẳng định trong mục tiêu tổng quát của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: “hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận”. Cách tiếp cận này đặt minh bạch thông tin vào vị trí trung tâm của cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Trong thực tiễn, việc ban hành *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2016 và *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* năm 2022 đã tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho việc công khai thông tin của cơ quan nhà nước. Phần lớn bộ, ngành và địa phương đã xây dựng cổng thông tin điện tử, công khai thủ tục hành chính, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách và các thông tin liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin được thực hiện bình đẳng, không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào, trừ các trường hợp thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật³. Những kết quả này cho thấy, mức độ minh bạch thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước đã có bước cải thiện rõ rệt so với giai đoạn trước khi *Luật Tiếp cận thông tin* có hiệu lực.

Tuy nhiên, đặt trong yêu cầu của quản trị quốc gia hiện đại và tinh thần của Đảng và Nhà nước, mức độ minh bạch hiện nay vẫn còn những hạn chế, như: một số quy định về phạm vi thông tin được tiếp cận còn chung chung, chưa thật sự rõ ràng, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Một số loại thông tin có liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cơ quan quản lý nên việc xác định cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm chính trong việc cung cấp

thông tin còn lúng túng, mất nhiều thời gian trao đổi, thống nhất. Quy định về việc loại trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin chưa được công khai còn đòi hỏi phải rà soát, đối chiếu với nhiều văn bản khác nhau, gây khó khăn cho cán bộ khi thực hiện⁴. Thực tiễn này cho thấy, mặc dù quyền tiếp cận thông tin của công dân đã góp phần nâng cao mức độ minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, song, xét theo chuẩn mực quản trị quốc gia hiện đại và yêu cầu kiểm soát quyền lực được đặt ra trong Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, quyền này mới đáp ứng yêu cầu minh bạch ở mức độ trung bình. Khoảng cách giữa yêu cầu chính trị về “công khai, minh bạch gắn với kiểm soát quyền lực” và thực tiễn công khai thông tin hiện nay tiếp tục là một vấn đề cần được khắc phục trong quá trình hoàn thiện quản trị quốc gia hiện đại ở Việt Nam.

3.2. Mức độ bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước

Trách nhiệm giải trình là tiêu chí cốt lõi của quản trị quốc gia hiện đại và có quan hệ trực tiếp với việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Trên thực tế, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Điều này khẳng định, quyền tiếp cận thông tin không chỉ là quyền của công dân mà còn là công cụ bảo đảm trách nhiệm của bộ máy công quyền.

Thực tiễn thi hành *Luật Tiếp cận thông tin* cho thấy, ở nhiều cơ quan hành chính, việc cung cấp thông tin theo yêu cầu đã được thực hiện, đặc biệt đối với các thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công. Tuy nhiên, tỷ lệ từ chối cung cấp thông tin còn cao, thời

gian giải quyết trong nhiều trường hợp kéo dài vượt quá thời hạn luật định, trong khi số lượng yêu cầu tiếp cận thông tin từ người dân và doanh nghiệp lại ở mức rất thấp. Đáng lưu ý, nguyên nhân từ chối cung cấp thông tin thường được viện dẫn một cách chung chung, thiếu cơ sở thuyết phục. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu mà còn làm giảm tính hiệu quả của *Luật Tiếp cận thông tin*⁵. Điều này phản ánh khoảng cách giữa quy định pháp luật và yêu cầu chính trị về trách nhiệm giải trình mà Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đặt ra.

3.3. Mức độ tạo điều kiện cho sự tham gia và giám sát của công dân

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 nhấn mạnh yêu cầu “đổi mới mạnh mẽ phương thức xây dựng và thực thi chính sách theo hướng tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và xã hội”. Trong bối cảnh đó, quyền tiếp cận thông tin là điều kiện tiên quyết để sự tham gia này mang tính thực chất.

Thực tiễn cho thấy, việc công khai thông tin về chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia góp ý, phản ánh và giám sát thông qua các kênh, như: báo chí, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ dân phố đã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng nhiều hình thức, như: họp tổ dân phố, phát phiếu xin ý kiến, phát trên hệ thống loa truyền thanh... nhằm tạo điều kiện cho Nhân dân được bàn bạc dân chủ để xây dựng, sau đó, Nhân dân tự giác thực hiện. Tuy nhiên, nhiều thông tin được công khai còn khó tiếp cận, thiếu tính hệ thống hoặc không đủ chi tiết để người dân sử dụng trong phản biện và giám sát⁶. Vì vậy, việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức hạn chế, chưa tương xứng với quan điểm chỉ đạo “Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự tham gia rộng rãi, thực chất của

người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng và thi hành pháp luật” theo Nghị quyết số 66-NQ/TW. Đây là điểm nghẽn quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản trị quốc gia hiện đại.

3.4. Mức độ thích ứng của việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đáp ứng quản trị quốc gia hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực then chốt; đồng thời, yêu cầu xây dựng chính phủ số, quản trị số, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả phục vụ người dân. Thực tiễn cho thấy, việc cung cấp thông tin qua cổng thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia và dịch vụ công trực tuyến đã giúp mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, giảm chi phí và thời gian cho công dân. Tính đến tháng 3/2025, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính của cả nước đạt 48,84%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt 39,65%. Mặc dù có hơn 1,1 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia trong một tháng (tháng 02/2025) nhưng so với tổng số hồ sơ thì tỷ lệ này vẫn chưa cao⁷.

Bên cạnh đó, khoảng cách số giữa các nhóm dân cư vẫn tồn tại. Theo PAPI (2024): (1) Tỷ lệ người dân có internet tại nhà dao động từ 53 - 96% giữa các địa phương, nhưng tỷ lệ sử dụng cổng dịch vụ công vẫn ở mức thấp. Ví dụ, tại tỉnh Điện Biên, tỷ lệ người dân có internet tại nhà thuộc nhóm thấp nhất, kéo theo việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến cũng bị hạn chế⁸; (2) Thách thức lớn nhất là khoảng cách số giữa các nhóm dân cư và khu vực khác nhau, đặc biệt, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng nông thôn, vùng núi và người di cư trong nước thường đánh giá thấp hơn về hiệu quả quản trị công, bao gồm cả quản trị điện tử.

Điều này phản ánh rằng, các nhóm này ít được tiếp cận và hỗ trợ hơn trong việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến⁹.

Như vậy, mặc dù việc tiếp cận internet đã được cải thiện nhưng tương tác của người dân với chính quyền qua các nền tảng điện tử và việc sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến chỉ tăng ở mức rất nhỏ, chưa thực sự đáng kể. Điều này cho thấy, cần có thêm các giải pháp đồng bộ để nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công điện tử, đặc biệt đối với các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.

3.5. *Đánh giá chung về mức độ đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại*

Quyền tiếp cận thông tin của công dân đã có bước tiến quan trọng về thể chế, góp phần minh bạch hóa và từng bước nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, việc thực thi quyền này vẫn chưa đáp ứng toàn diện yêu cầu của quản trị quốc gia hiện đại, đặc biệt là hạn chế trong công khai chủ động, giải trình thực chất và khả năng thích ứng với quản trị số. Vì vậy, việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin mới chỉ dừng lại ở mức độ tiệm cận, chưa thực sự trở thành trụ cột của quản trị số theo các định hướng chính trị đã đề ra.

Nguyên nhân cốt lõi của tình trạng này xuất phát từ sự bất cập về mặt thời điểm ban hành: các văn bản nền tảng, như: *Hiến pháp* năm 2013, *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2016 và *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* năm 2022 đều ra đời trước khi mô hình quản trị quốc gia hiện đại được chính thức định hình trong các văn kiện của Đảng từ năm 2021. Điều này tạo ra “khoảng trống thể chế”, khiến khuôn khổ pháp lý hiện hành chưa hoàn toàn tương thích với yêu cầu quản trị dựa trên dữ liệu mở và số hóa.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo hướng hiện đại và thích ứng với quản trị số. Đổi mới quyền tiếp cận thông tin cần bắt đầu từ việc rà soát,

sửa đổi *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2016 nhằm khắc phục độ trễ thể chế so với yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại. Trọng tâm là bổ sung các nguyên tắc công khai mặc định, công khai chủ động, dữ liệu mở và nghĩa vụ chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Đồng thời, cần làm rõ trách nhiệm pháp lý của cơ quan nhà nước và người đứng đầu trong việc cung cấp thông tin, gắn việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin với trách nhiệm giải trình và đánh giá hiệu quả quản trị. Việc hoàn thiện thể chế theo hướng này sẽ góp phần tái định vị quyền tiếp cận thông tin như một trụ cột của quản trị quốc gia hiện đại.

Thứ hai, cải cách cơ chế tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo hướng lấy công dân làm trung tâm. Trong quản trị quốc gia hiện đại, việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin cần chuyển từ mô hình cung cấp thông tin mang tính hành chính, bị động sang mô hình quản trị thông tin phục vụ công dân. Theo đó, các cơ quan nhà nước cần chủ động rà soát, chuẩn hóa danh mục thông tin công khai, bảo đảm thông tin được cung cấp đúng nhu cầu thực tiễn của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, coi đây là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền. Cải cách cơ chế thực hiện sẽ giúp quyền tiếp cận thông tin phát huy vai trò thực chất trong kiểm soát quyền lực và nâng cao chất lượng quản trị.

Thứ ba, kết hợp phương thức tiếp cận thông tin truyền thống với hiện đại hóa phương thức tiếp cận thông tin. Trong điều kiện chuyển đổi số chưa đồng đều, việc duy trì các hình thức tiếp cận thông tin truyền thống, như: niêm yết công khai, thông báo tại cơ sở, hội nghị nhân dân vẫn cần thiết để bảo đảm tính bao trùm và công bằng trong thực hiện quyền. Song song với đó, Nhà nước cần đẩy mạnh cung cấp thông tin trên môi trường số, phát triển cổng thông tin điện tử, cơ sở dữ

liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở. Sự kết hợp hài hòa này sẽ tạo điều kiện để chuyển dịch dần từ quản lý thông tin thủ công sang quản trị thông tin hiện đại, phù hợp với yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại.

Thứ tư, nâng cao chất lượng thông tin và năng lực tham gia của công dân trong thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Quyền tiếp cận thông tin chỉ thực sự có ý nghĩa khi thông tin được cung cấp bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và có khả năng sử dụng trong giám sát, phản biện và tham gia chính sách. Do đó, cần quy định rõ tiêu chuẩn chất lượng thông tin công khai và tăng cường kiểm tra việc thực hiện trong thực tiễn. Đồng thời, cần chú trọng nâng cao nhận thức pháp lý, kỹ năng số và trách nhiệm chính trị của công dân, coi đây là điều kiện xã hội quan trọng để quyền tiếp cận thông tin trở thành công cụ thúc đẩy dân chủ và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia hiện đại ở Việt Nam.

Thứ năm, cần nghiên cứu luật hóa nguyên tắc “cung cấp thông tin một phần” (tách biệt thông tin), theo đó, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp phần thông tin không thuộc diện hạn chế tiếp cận, thay vì từ chối toàn bộ yêu cầu. Đồng thời, cần quy định rõ nghĩa vụ giải thích lý do từ chối cung cấp thông tin theo hướng cụ thể, minh bạch và có thể kiểm chứng. Giải pháp này không chỉ bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền.

5. Kết luận

Trong kỷ nguyên mới, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin không chỉ dừng lại ở việc thực thi pháp luật mà phải trở thành trụ cột chiến lược để kiến tạo nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả. Do đó, cần chuyển dịch mạnh mẽ về tư duy: từ “hành chính cai trị” sang “hành chính phục vụ”, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo trung tâm. Tại đây, quyền tiếp cận thông tin đóng vai trò là chất xúc tác thúc đẩy trách nhiệm giải trình

với sự tham gia sâu rộng của xã hội vào quy trình kiểm soát quyền lực.

Việc tích hợp quyền tiếp cận thông tin vào tiến trình chuyển đổi số không thuần túy là giải pháp kỹ thuật mà là lời cam kết về một nền quản trị bao trùm và công bằng - nơi mọi người dân đều có cơ hội thụ hưởng thành quả phát triển. Đây chính là nền tảng cốt lõi để tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” □

Chú thích:

1, 2. Lê Thị Hồng Nhung (2015). *Bảo đảm pháp lý quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, tr. 40, 40.

3, 4. Ủy ban nhân dân phường An Hải (2025). *Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 20/8/2025 về việc tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin*.

5. *Sửa đổi Luật Tiếp cận thông tin: hướng tới minh bạch và hiệu quả*. <https://daibieunhandan.vn>, ngày 12/3/2026.

6. Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn (2024). *Báo cáo số 259/BC-UBND ngày 25/12/2024 về kết quả thi hành Luật Dân chủ cơ sở năm 2024*.

7. *Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính của cả nước đạt 48,84%*. <https://tcnld.vn>, ngày 13/3/2025.

8, 9. *Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến tăng nhưng Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức trong khoảng cách số*. <https://vneconomy.vn>, ngày 15/4/2025.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

2. Quốc hội (2016). *Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016*.

3. Quốc hội (2013). *Hiến pháp năm 2013*.

4. Quốc hội (2022). *Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022*.

5. *Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trong tình hình mới*. <https://nhandan.vn>, ngày 31/01/2026.

6. *Bảo đảm thực chất quyền tiếp cận thông tin của người dân*. <https://daibieunhandan.vn>, ngày 12/4/2026.